

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 26

323
CỔ
EMT
RSM
1-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bạch Văn Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên
Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên
Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên
Ông Võ Thành Tâm	Thành viên
Bà Phí Thị Lệ Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/03/2019)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/03/2019)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Ngô Thị Châu Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Bách Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nữ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27/03/2019)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/03/2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)


Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc 



Trần Anh Dũng
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Số: 20.127/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi, được lập ngày 13 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh giảm vào kết quả kinh doanh đối với doanh thu xử lý rác thải từ năm 2016 đến tháng 01/2018 với tổng giá trị là 11,19 tỷ đồng theo đơn giá đã được phê duyệt tại Công văn số 3309/STC-GCS ngày 08/06/2018 của Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 7170/UBND-KT ngày 11/07/2018 ban hành bởi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai (UBND Tỉnh). Công ty đã gửi văn bản trình lên UBND Tỉnh để kiến nghị xem xét lại đơn giá xử lý rác thải của các năm này.

Nếu Công ty thực hiện điều chỉnh theo văn bản của UBND Tỉnh thì các Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019 sẽ thay đổi như sau:

- Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" sẽ giảm đi với số tiền là 12,31 tỷ đồng.
- Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi với số tiền là 10,07 tỷ đồng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		300.269.459.671	276.806.462.769
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	13.153.513.397	67.290.387.210
1. Tiền	111		13.153.513.397	14.486.252.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	52.804.134.498
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		124.643.334.797	15.409.195.732
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	124.643.334.797	15.409.195.732
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.592.860.349	186.996.226.455
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	131.507.480.980	181.662.403.078
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.678.729.713	1.067.685.540
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	13.613.425.201	4.472.913.382
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(206.775.545)	(206.775.545)
IV. Hàng tồn kho	140		14.808.124.271	6.752.301.734
1. Hàng tồn kho	141	4.5	14.808.124.271	6.752.301.734
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.071.626.857	358.351.638
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	1.061.061.302	358.351.638
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	10.565.555	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.362.982.524	212.998.859.724
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		170.583.500	170.583.500
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	170.583.500	170.583.500
II. Tài sản cố định	220		88.685.887.003	101.102.141.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	88.392.917.561	100.793.734.166
Nguyên giá	222		273.824.943.509	273.966.517.675
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.432.025.948)	(173.172.783.509)
2. Tài sản cố định vô hình	227		292.969.442	308.406.944
Nguyên giá	228		308.750.000	308.750.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.780.558)	(343.056)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		103.368.932.903	102.826.218.658
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	103.368.932.903	102.826.218.658
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.637.579.118	1.399.916.456
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	703.156.205	886.898.705
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		934.422.913	513.017.751
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		501.632.442.195	489.805.322.493

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		142.873.453.729	144.411.780.355
I. Nợ ngắn hạn	310		142.873.453.729	144.411.780.355
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	24.424.219.238	26.283.477.427
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	4.380.772.071	2.903.112.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	4.891.984.615	2.934.356.321
4. Phải trả người lao động	314	4.12	19.393.778.689	18.098.889.326
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	9.246.434.526	8.172.206.583
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		675.593.615	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	57.840.817.450	65.052.867.227
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		63.160.392	63.160.392
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	21.956.693.133	20.903.710.239
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		358.758.988.466	345.393.542.138
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16.1	358.758.988.466	345.393.542.138
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.16.2	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.743.759.816	6.885.360.484
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.848.395.188	35.341.348.192
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		28.765.169.662	6.757.354.875
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.083.225.526	28.583.993.317
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.166.833.462	3.166.833.462
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		501.632.442.195	489.805.322.493



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Người lập *lyk*

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	172.883.178.296	163.321.761.448
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		172.883.178.296	163.321.761.448
3. Giá vốn hàng bán	11	4.18	142.861.188.601	133.417.086.251
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.021.989.695	29.904.675.197
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	3.720.339.816	1.798.081.494
6. Chi phí tài chính	22		-	10.243.997
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	10.243.997
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.20	13.282.875.816	14.099.145.658
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.459.453.695	17.593.367.036
9. Thu nhập khác	31		892.055.547	519.732.896
10. Chi phí khác	32		313.052.520	148.226.192
11. Lợi nhuận khác	40		579.003.027	371.506.704
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.038.456.722	17.964.873.740
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.22	4.376.636.358	3.147.498.341
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(421.405.162)	(83.904.082)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.083.225.526	14.901.279.481
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	483	432
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	483	432

Phê duyệt



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Người lập



Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.038.456.722	17.964.873.740
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.21	12.418.240.032	10.928.680.294
Các khoản dự phòng	03		-	263.829.319
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.655.506.256)	(1.812.066.911)
Chi phí lãi vay	06		-	10.243.997
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.801.190.498	27.355.560.439
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		42.864.724.968	11.671.909.323
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.055.822.537)	(7.711.761.011)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.911.832.459	(10.481.767.526)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(518.967.164)	3.769.661.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(3.315.711.428)	(3.034.293.466)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		45.470.000	40.680.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.571.588.277)	(1.008.485.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.161.128.519	20.601.503.438
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.312.278.666)	(20.696.085.266)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	60.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(108.100.000.000)	(5.861.199.253)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		114.276.334	299.111.410
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(116.298.002.332)	(26.198.173.109)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	7.789.705.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	7.789.705.859
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(54.136.873.813)	2.193.036.188
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		67.290.387.210	48.276.044.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	13.153.513.397	50.469.080.968

Phê Duyệt



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2019.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSĐC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 22 tháng 11 năm 2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 760/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Việt Nam	192.128.460.000	64,04	192.128.460.000	64,04
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	Việt Nam	39.000.000.000	13,00	39.000.000.000	13,00
Khác	Việt Nam	68.871.540.000	22,96	68.871.540.000	22,96
Cộng		300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 687 người (31 tháng 12 năm 2018 là: 699 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đô thị môi trường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quét dọn đường phố, vỉa hè. Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế). Xử lý nước thải;
- Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ;
- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp theo)**

- Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh;
- Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2018.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	102.170.814	364.100.016
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.051.342.583	14.122.152.696
Các khoản tương đương tiền	-	52.804.134.498
Cộng	13.153.513.397	67.290.387.210

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 - 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (mã chứng khoán SDV), số lượng 500.000 cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là 10.000.000.000 VND.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 4.24	145.275.720	29.114.920
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Biên Hòa	103.141.998.479	149.978.076.795
Các khách hàng khác	28.220.206.781	31.655.211.363
Cộng	131.507.480.980	181.662.403.078

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm nộp cho Phòng Quản lý đô thị Thành phố Biên Hòa (*)	6.616.274.661	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.930.297.540	-	513.111.419	-
Phải thu người lao động	905.000.000	-	510.000.000	-
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	833.935.684	-	1.294.507.134	-
Phải thu khác	2.327.917.316	-	2.155.294.829	-
Cộng	13.613.425.201	-	4.472.913.382	-
Dài hạn:				
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	170.583.500	-	170.583.500	-

(*) Là khoản tiền Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi tạm nộp thay Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh về việc thanh toán tiền thừa xử lý rác trơ năm 2016.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.177.653.064	-	1.352.625.357	-
Công cụ, dụng cụ	1.418.412.890	-	814.050.755	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.662.426.331	-	4.011.403.968	-
<i>Xúc vận chuyển rác các huyện</i>	8.910.300.847	-	1.525.423.906	-
<i>Chăm sóc công viên, dải phân cách</i>	915.860.579	-	-	-
<i>Các công trình giao thông và công tác duy tu thường xuyên</i>	898.093.489	-	2.485.980.062	-
<i>Dịch vụ quét đường</i>	728.817.792	-	-	-
<i>Các công trình chiếu sáng và công tác duy tu thường xuyên</i>	209.353.624	-	-	-
Hàng hóa	549.631.986	-	574.221.654	-
Cộng	14.808.124.271	-	6.752.301.734	-

4.6. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	1.055.061.302	346.351.638
Các khoản khác	6.000.000	12.000.000
Cộng	1.061.061.302	358.351.638
Dài hạn:		
Chi phí tư vấn đóng bãi rác Trảng Dài	407.577.000	481.683.000
Chi phí sửa chữa lò hỏa táng nghĩa trang	186.793.750	273.006.250
Các khoản khác	108.785.455	132.209.455
Cộng	703.156.205	886.898.705

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	118.141.804.086	37.869.389.099	96.987.334.117	287.605.900	20.680.384.473	273.966.517.675
Tăng khác	-	66.819.485	-	-	-	66.819.485
Thanh lý, nhượng bán	(208.393.651)	-	-	-	-	(208.393.651)
Tại ngày 30/06/2019	117.933.410.435	37.936.208.584	96.987.334.117	287.605.900	20.680.384.473	273.824.943.509
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	90.015.957.502	22.635.552.193	56.044.524.830	260.347.932	4.216.401.052	173.172.783.509
Khấu hao trong kỳ	3.355.712.715	1.395.697.929	5.407.576.278	6.413.634	2.237.401.974	12.402.802.530
Thanh lý, nhượng bán	(143.560.091)	-	-	-	-	(143.560.091)
Tại ngày 30/06/2019	93.228.110.126	24.031.250.122	61.452.101.108	266.761.566	6.453.803.026	185.432.025.948
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	28.125.846.584	15.233.836.906	40.942.809.287	27.257.968	16.463.983.421	100.793.734.166
Tại ngày 30/06/2019	24.705.300.309	13.904.958.462	35.535.233.009	20.844.334	14.226.581.447	88.392.917.561

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 84.193.788.434 VND.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công trình khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu	103.111.593.458	102.665.392.034
Công trình bãi xử lý rác Trảng Dài	138.868.533	138.868.533
Khác	118.470.912	21.958.091
Cộng	103.368.932.903	102.826.218.658

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt	3.635.869.710	3.635.869.710	1.684.076.790	1.684.076.790
Trạm xăng dầu Bến xe Biên Hòa	4.186.336.600	4.186.336.600	5.648.626.395	5.648.626.395
Nhà cung cấp khác	16.602.012.928	16.602.012.928	18.950.774.242	18.950.774.242
Cộng	24.424.219.238	24.424.219.238	26.283.477.427	26.283.477.427

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – xem thêm mục 4.24	94.734	143.927.420
Người mua trả tiền trước phí dịch vụ bảo quản, chăm sóc kim tính	3.792.146.295	2.368.004.845
Các khách hàng khác	588.531.042	391.180.575
Cộng	4.380.772.071	2.903.112.840

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/06/2019 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.251.123.412	9.921.282.612	9.076.382.798	-	2.096.023.226
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.618.581.467	4.376.636.358	3.315.711.428	-	2.679.506.397
Thuế thu nhập cá nhân	-	64.651.442	1.203.931.301	1.152.127.751	-	116.454.992
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	355.410.707	365.976.262	10.565.555	-
Các loại thuế khác	-	-	12.109.477	12.109.477	-	-
Cộng	-	2.934.356.321	15.869.370.455	13.922.307.716	10.565.555	4.891.984.615

4.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 6 năm 2019 và các khoản bổ sung còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - phần còn lại của đáy hồ và đỉnh hồ HSH4	4.242.539.674	4.242.539.674
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - phần nắp hồ SH5	3.213.593.636	3.213.593.636
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải – Hệ thống vận hành xử lý nước rỉ rác	735.909.091	-
Trích trước chi phí nhân công các công trình duy tu có vật liệu năm 2019	603.757.250	-
Trích trước chi phí thu gom vận chuyển rác quý 2/2019 tại huyện Vĩnh Cửu	403.134.875	-
Chi phí phải trả khác	47.500.000	716.073.273
Cộng	9.246.434.526	8.172.206.583

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	381.730.048	384.885.720
Kinh phí công đoàn	190.078.760	95.383.000
Chi phí xử lý rác sinh hoạt hộ dân phải trả cho Phòng Tài chính kế hoạch Thành phố Biên Hòa	7.561.440.800	11.317.923.507
Các khoản phải bàn giao ngân sách Nhà nước	47.783.417.263	47.783.417.263
<i>Chi phí giải phóng mặt bằng Huyện Vĩnh Cửu phải trả Trung tâm Phát triển quỹ đất Tỉnh Đồng Nai</i>	47.382.461.015	47.382.461.015
<i>Chi phí quy hoạch chôn diện tích 21,7 ha dự án Khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai</i>	400.956.248	400.956.248
Phải trả Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh	-	3.298.605.030
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.924.150.579	2.172.652.707
Cộng	57.840.817.450	65.052.867.227

4.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Quỹ phúc lợi	10.978.838.980	10.862.934.497
Quỹ khen thưởng	10.030.907.482	9.392.758.937
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	287.700.000	-
Quỹ công tác xã hội cộng đồng	199.011.981	100.922.048
Quỹ thưởng các cá nhân và các cơ quan hữu quan	460.234.690	547.094.757
Cộng	21.956.693.133	20.903.710.239

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Số dư tại ngày 01/01/2018	300.000.000.000	3.166.833.462	4.210.024.535	33.880.568.963		341.257.426.960
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	14.901.279.481		14.901.279.481
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.675.335.949	(2.675.335.949)		-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.447.878.139)		(3.447.878.139)
Số dư tại ngày 30/06/2018	300.000.000.000	3.166.833.462	6.885.360.484	42.658.634.356		352.710.828.302
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	13.682.713.836		13.682.713.836
Chia cổ tức	-	-	-	(21.000.000.000)		(21.000.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2019	300.000.000.000	3.166.833.462	6.885.360.484	35.341.348.192		345.393.542.138
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	17.083.225.526		17.083.225.526
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.858.399.332	(2.858.399.332)		-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.717.779.198)		(3.717.779.198)
Số dư tại ngày 30/06/2019	300.000.000.000	3.166.833.462	9.743.759.816	45.848.395.188		358.758.988.466

Số dư nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Quý đầu tư phát triển và Lợi nhuận chưa phân phối sẽ được xử lý theo quy định hiện hành về xử lý tài chính khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước sau khi có biên bản làm việc cuối cùng về số liệu cổ phần hóa giữa Sở tài chính và Công ty.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	192.128.460.000	192.128.460.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	68.871.540.000	68.871.540.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.083.225.526	14.901.279.481
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.581.275.377)	(1.938.656.460)
Lãi /(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	14.501.950.149	12.962.623.021
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	483	432

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 29 tháng 03 năm 2019.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	462.096.273	229.274.091
Doanh thu bán hàng	860.742.668	941.813.274
Doanh thu cung cấp dịch vụ	171.560.339.355	162.150.674.083
Cộng	<u>172.883.178.296</u>	<u>163.321.761.448</u>

4.18. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	586.270.860	657.901.863
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	142.274.917.741	132.759.184.388
Cộng	<u>142.861.188.601</u>	<u>133.417.086.251</u>

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

Là khoản lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ.

4.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.122.535.048	5.070.930.524
Chi phí vật liệu quản lý	331.283.404	319.591.282
Chi phí đồ dùng văn phòng	849.493.111	759.702.142
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	-	3.061.612.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.827.130	363.747.654
Thuế, phí và lệ phí	365.410.707	373.949.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	443.928.364	487.726.971
Chi phí bằng tiền khác	3.950.398.052	3.661.885.315
Cộng	<u>13.282.875.816</u>	<u>14.099.145.658</u>

(Xem tiếp trang sau)⁴

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.659.584.065	70.861.878.107
Chi phí nhân công	61.364.179.939	52.604.444.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.418.240.032	10.928.680.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.115.088.398	5.855.000.561
Chi phí khác bằng tiền	12.237.994.346	14.894.358.152
Cộng	<u>163.795.086.780</u>	<u>155.144.361.968</u>

4.22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	21.038.456.722	17.964.873.740
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	<u>3.322.449.292</u>	<u>1.018.965.565</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	<u>24.360.906.014</u>	<u>18.983.839.305</u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính cho mức thuế suất 20%	3.881.091.514	2.498.228.820
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính cho mức thuế suất 10%	495.544.844	649.269.521
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	<u>4.376.636.358</u>	<u>3.147.498.341</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như: chi phí không hóa đơn chứng từ, các khoản trích trước chưa có hóa đơn.

4.23. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xúc vận chuyển rác;
- Thu gom rác phố;
- Xử lý rác;
- Công viên công cộng, dây phân cách;
- Hoạt động khác.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

	<u>Xúc vận chuyên rác</u>		<u>Thu gom rác phố</u>		<u>Xử lý rác</u>		<u>Công viên công công, dây phân cách</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Tổng công</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu												
Từ khách hàng bên ngoài	61.651.893	62.324.676	26.296.623	22.870.547	34.068.817	32.614.987	10.124.029	11.297.456	40.741.816	34.214.097	172.883.178	163.321.763
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	61.651.893	62.324.676	26.296.623	22.870.547	34.068.817	32.614.987	10.124.029	11.297.456	40.741.816	34.214.097	172.883.178	163.321.763

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận	11.922.883	15.711.713	2.628.530	1.993.671	6.775.474	4.277.979	509.068	1.008.105	8.186.036	6.913.207	30.021.990	29.904.675
Chi phí không phân bổ											13.282.876	14.099.146
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính											16.739.114	15.805.529
Thu nhập tài chính											3.720.340	1.798.081
Chi phí tài chính											-	10.244
Thu nhập khác											892.056	519.733
Chi phí khác											313.053	148.226
Lợi nhuận trước thuế											21.038.457	17.964.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp											4.376.636	3.147.498
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại											(421.405)	(83.904)

Lợi nhuận sau thuế

17.083.226	14.901.279
-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác	<u>Đơn vị tính: Ngân đồng</u>	
	<u>Thu gom rác phổ</u>	<u>Tổng công</u>
	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
<u>Xúc ván chuyên rác</u>	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Tài sản của bộ phận	34.934.619	40.170.098
Tài sản không phân bổ	-	-
	6.548.262	8.723.632
	-	-
	47.203.006	52.208.411
	88.685.887	101.102.141
	412.946.555	388.703.181
Tổng tài sản	501.632.442	489.805.322

Đơn vị tính: Ngân đồng	<u>Đơn vị tính: Ngân đồng</u>	
	<u>Thu gom rác phổ</u>	<u>Tổng công</u>
	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
<u>Xúc ván chuyên rác</u>	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Nợ phải trả không phân bổ	142.873.454	144.411.780
Tổng nợ phải trả	142.873.454	144.411.780

Đơn vị tính: Ngân đồng	<u>Đơn vị tính: Ngân đồng</u>	
	<u>Thu gom rác phổ</u>	<u>Tổng công</u>
	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
<u>Xúc ván chuyên rác</u>	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ trước
5.409.035	5.454.038	5.454.038
	-	-
	4.412.245	2.634.743
	7.867	66.523
	2.589.093	2.773.377
	12.418.240	10.928.680
	8.312.279	20.696.085

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh, vì vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.24. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
2. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty trong cùng tập đoàn
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	73.920.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	39.757.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	10.898.920	10.898.920
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	5.313.000	12.100.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	4.180.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	4.620.000	1.122.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	2.626.800	4.180.000
Trường Cao đẳng Công nghệ Và Quản trị Sonadezi	2.420.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	1.540.000	814.000
Cộng – Xem thêm mục 4.3	<u>145.275.720</u>	<u>29.114.920</u>
	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	63.585.000	58.635.000
	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	(143.927.420)
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	(94.743)	-
Cộng – Xem thêm mục 4.10	<u>(94.743)</u>	<u>(143.927.420)</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	120.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	103.000.000	85.500.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	87.597.273	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	42.250.000	35.020.000
Trường Cao đẳng Công nghệ Và Quản trị Sonadezi	31.050.000	27.380.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	25.400.000	18.335.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	21.492.000	23.530.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	19.295.000	23.310.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	5.742.000	4.140.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	5.570.000	4.070.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	700.000	1.430.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	-	5.059.091
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	-	1.500.000
Cộng – Xem thêm mục 4.17	462.096.273	229.274.091

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	467.390.650	346.205.100
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	342.327.300	328.827.302
Cộng	809.717.950	675.032.402

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	939.810.769	845.911.692

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.25. Thu nhập Ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	139.335.385	150.006.000

4.26. Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Công trình xây dựng khu xử lý chất thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	9.253.007.995	26.607.458.761

4.27. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng